

GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO HỘ GIA ĐÌNH DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA, VIỆT NAM

SUSTAINABLE POVERTY REDUCTION SOLUTIONS FOR ETHNIC MINORITY HOUSEHOLDS IN MOUNTAINOUS THANH HOA, VIETNAM

Nguyễn Thị Duyên*

Trường Đại học Hồng Đức, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: nguyenthiduyen@hdu.edu.vn

(Nhận bài / Received: 09/9/2024; Sửa bài / Revised: 21/11/2024; Chấp nhận đăng / Accepted: 22/11/2024)

Tóm tắt - Dựa trên phân tích thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo bền vững của hộ gia đình dân tộc thiểu số (DTTS) tại Thanh Hóa, bài viết này đề xuất các giải pháp giảm nghèo phù hợp. Nghiên cứu tập trung làm rõ các vấn đề: đặc điểm kinh tế, thu nhập, văn hóa - xã hội của hộ gia đình DTTS miền núi; cơ sở pháp lý cho việc đề xuất giải pháp; sự cần thiết của công tác giảm nghèo bền vững. Đồng thời, bài viết phân tích thực trạng giảm nghèo, phân loại hộ nghèo thành 3 nhóm: hộ có người già yếu, bệnh tật; hộ có lao động nhưng thiếu kỹ năng; và hộ thiếu động lực lao động. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp và chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực thoát nghèo, kết hợp với nỗ lực của người dân để đạt hiệu quả bền vững.

Từ khóa - Giảm nghèo bền vững; hộ gia đình dân tộc thiểu số; miền núi; Thanh Hóa

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều thập kỷ qua, công tác giảm nghèo bền vững cho đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội mà Đảng Nhà nước và Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm và tìm giải pháp thích hợp. Để tăng thu nhập, giảm tỷ lệ nghèo và tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ cơ bản đối với các DTTS, Chính phủ đã thực hiện các Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và nhiều chương trình, dự án nhằm hỗ trợ cho đồng bào DTTS đã và đang được thực hiện như: Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 [1]; Nghị quyết số 12/NQ-CP về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 [2].

Tại Thanh Hóa Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII đã xác định Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững là một trong các chương trình trọng tâm với mục đích “Huy động tổng hợp các nguồn lực và sự tham gia của cả hệ thống chính trị để thực hiện công tác giảm nghèo; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác giảm nghèo, đặc biệt tại các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; vùng dân tộc, miền núi, bãi ngang ven biển, hạn chế tối đa số hộ tái nghèo, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều của tỉnh thấp hơn mức bình quân chung của cả nước...” [3].

Người DTTS ở Thanh Hóa sinh sống tập trung ở những địa bàn có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, thời tiết khắc

Abstract - Based on the analysis of the current situation and factors affecting the ability to escape poverty sustainably of ethnic minority households in Thanhhoa, this article proposes appropriate poverty reduction solutions. The study focuses on clarifying the issues: economic, income, cultural, and social characteristics of ethnic minority households in mountainous areas, the legal basis for proposing solutions, and the necessity of sustainable poverty reduction. At the same time, the article analyzes the current situation of poverty reduction, classifying poor households into three groups: households with elderly and sick people, households with workers lacking skills, and households lacking labor motivation. From there, the study proposes solutions and support policies to improve the ability to escape poverty, combined with people's efforts to achieve sustainable results.

Key words - Sustainable poverty reduction; ethnic minority households; mountainous areas; Thanhhoa

nghiệt, các điều kiện thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống còn thiếu thốn, nên một bộ phận người dân còn nhiều khó khăn. Sự nghèo đói chủ yếu tập trung ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn mà ở đó điều kiện tự nhiên không thuận lợi (vị trí địa lý, địa bàn cư trú, thời tiết, khí hậu, thiên tai ...), các điều kiện thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống khó khăn (giao thông, đất, nước, vốn, kỹ thuật, công nghệ...), sự tiếp cận về văn hóa xã hội còn hạn chế (giáo dục, y tế,...), một số các tập tục lạc hậu vẫn còn (ma chay, cưới xin, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, bất bình đẳng giới,...), và cũng tập trung chủ yếu ở một số DTTS như: Khơ Mú (tỷ lệ hộ nghèo 83,64%), Mông (tỷ lệ hộ nghèo 73,47%). Các DTTS khác tỷ lệ nghèo chung như: Thái (tỷ lệ hộ nghèo 11,82%), Dao (tỷ lệ hộ nghèo 9,38%), Mường (tỷ lệ hộ nghèo 5,66%), Thổ (tỷ lệ hộ nghèo 3,25%). Tuy nhiên, ở những địa bàn đặc biệt khó khăn thì các dân tộc này cũng có tỷ lệ nghèo khá cao [4]. Do đó, nghiên cứu nhằm xác định đặc điểm của hộ gia đình DTTS, các cơ sở pháp lý đề xuất giải pháp giảm nghèo bền vững, khẳng định vai trò của người nghèo và nhấn mạnh việc trao quyền cho họ trong quá trình thoát nghèo. Đặc biệt, nghiên cứu tập trung làm rõ nguyên tắc “trao niềm tin vào người nghèo” và vận dụng nguyên tắc này trong thực tiễn giảm nghèo ở Thanh Hóa.

Bên cạnh đó, nghiên cứu sẽ xây dựng hệ thống phân loại nhóm hộ nghèo dựa trên các đặc điểm, nguyên nhân và nhu cầu hỗ trợ, bao gồm nhóm hộ có người già yếu, bệnh tật; nhóm hộ có lao động nhưng thiếu kỹ năng, kinh

¹ Hong Duc University, Vietnam (Duyen Thi Nguyen)

nghiệm; và nhóm hộ thiếu động lực lao động. Việc phân loại này sẽ là cơ sở để thiết kế các giải pháp hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Cuối cùng, nghiên cứu sẽ đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ giảm nghèo hiện hành, đồng thời phân tích vai trò của nỗ lực chủ quan từ chính người nghèo, từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả các chương trình giảm nghèo, hướng tới sự phát triển bền vững cho hộ gia đình DTTS ở Thanh Hóa.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Giảm nghèo cho đồng bào DTTS là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả các chính sách giảm nghèo, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói và đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp. Các nghiên cứu này không chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình nghèo đói ở các vùng DTTS mà còn mang đến những bài học kinh nghiệm quý báu từ các nước trên thế giới.

Các nghiên cứu trong nước đã chỉ ra những thách thức trong công tác giảm nghèo cho DTTS. Trần Thị Minh Châu và cộng sự [5] nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi cách tiếp cận trong phát triển miền núi, chú trọng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Việc áp đặt mô hình phát triển của miền xuôi lên miền núi và coi nhẹ tri thức bản địa đã tạo ra những rào cản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào DTTS. Trần Thị Hạnh và cộng sự [6] đề xuất tập trung vào các chính sách giảm nghèo, cung cấp dịch vụ xã hội (giáo dục, y tế, môi trường...) và các chính sách đặc thù cho vùng DTTS miền núi. Nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò của giáo dục và đào tạo nghề trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện cho người DTTS tham gia vào thị trường lao động. Báo cáo đánh giá nghèo Việt Nam 2012 [7] chỉ ra những khó khăn mà người DTTS gặp phải trong việc tiếp cận giáo dục, tín dụng, đất đai, thị trường, cũng như những định kiến xã hội. Báo cáo này cũng phân tích những thách thức trong việc thực hiện các chính sách giảm nghèo, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Các nghiên cứu quốc tế cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu về giảm nghèo cho các nhóm yếu thế, trong đó có đồng bào DTTS. Gradín, C. [8] khẳng định tầm quan trọng của sự tham gia của người dân vào quá trình giảm nghèo. Chính phủ cần hợp tác chặt chẽ với người dân, lắng nghe ý kiến của họ và trao quyền cho họ trong việc thực hiện các chương trình giảm nghèo. Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) [9], đề xuất tập trung vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng như đường sá, thủy lợi, cấp nước, vệ sinh và chợ. Bên cạnh đó, báo cáo cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư cho giáo dục, y tế, phát triển các dịch vụ tài chính vi mô và bảo vệ môi trường. Michael Cuddy và cộng sự [10] nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đói ở nông thôn Trung Quốc, tập trung vào mức thu nhập và các yếu tố tác động như trình độ học vấn, quy mô hộ gia đình, diện tích đất canh tác và khoảng cách đến các trung tâm kinh tế.

Từ những nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể rút ra một số khuyến nghị cho Việt Nam trong công tác giảm

nghèo cho DTTS: Cần chuyển từ cách tiếp cận trên xuống sang cách tiếp cận lấy người dân làm trung tâm, tôn trọng văn hóa và phát huy tiềm năng của đồng bào DTTS; người dân cần được tham gia vào quá trình hoạch định và thực hiện các chính sách giảm nghèo; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào công tác giảm nghèo; bên cạnh việc cung cấp các khoản hỗ trợ trực tiếp, cần tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các nguồn lực và dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, tín dụng, thị trường... Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả các chương trình giảm nghèo, hướng tới sự phát triển bền vững cho đồng bào DTTS ở Việt Nam.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên kết quả phân tích thực trạng và những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo của đề tài “Những nhân tố ảnh hưởng đến năng lực thoát nghèo bền vững của hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa hiện nay”. Nghiên cứu áp dụng khung sinh kế bền vững của Bộ Phát triển Quốc tế Anh, bao gồm 5 nguồn vốn ảnh hưởng đến khả năng thoát nghèo: vốn con người, vốn tài nguyên thiên nhiên, vốn tài chính, vốn vật chất, và vốn xã hội [11].

Thông tin được thu thập thông qua phương pháp định lượng (phỏng vấn 3.400 hộ gia đình) và định tính (phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với 54 cán bộ và hộ dân). Nội dung nghiên cứu tập trung vào ba vấn đề chính: (i) nguyên tắc chủ thể trong giảm nghèo; (ii) phân loại các nhóm hộ nghèo; (iii) chính sách hỗ trợ và nỗ lực của người nghèo trong việc nâng cao năng lực thoát nghèo bền vững.

Nghiên cứu nhấn mạnh quan niệm về giảm nghèo bền vững, theo đó cần tập trung vào việc trao “cần câu” thay vì “con cá”, tức là tạo điều kiện để người nghèo tự vươn lên thoát nghèo. Giảm nghèo bền vững không chỉ là giảm số lượng hộ nghèo mà còn phải đảm bảo chất lượng, giúp hộ nghèo vượt qua ngưỡng thoát nghèo và không bị tái nghèo.

Chính sách giảm nghèo bền vững cần đảm bảo các tiêu chí: cải thiện thu nhập, tiếp cận nguồn lực sản xuất, tham gia vào hoạt động lập kế hoạch phát triển, phòng tránh tái nghèo, đảm bảo bình đẳng về giáo dục, dạy nghề và chăm sóc sức khỏe.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa

Các hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa hiện nay chiếm khoảng 25% dân số toàn tỉnh, phân bố chủ yếu ở các huyện miền núi phía Tây như Quan Hóa, Bá Thước, Mường Lát, Quan Sơn... với 6 dân tộc chính gồm: Mường, Thái, Thổ, Mông, Dao, Khơ mú, họ mang những đặc điểm riêng biệt về điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa và môi trường sống.

Theo số liệu thống kê năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của đồng bào DTTS ở Thanh Hóa đạt khoảng 30 triệu đồng/người/năm, thấp hơn so với mức bình quân chung của tỉnh (khoảng 50 triệu đồng/người/năm). Tỷ lệ hộ nghèo là 15%, cao gấp 3 lần so với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh (5%). Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo, chiếm khoảng 60% lao động. Tuy nhiên, năng suất lao động thấp do tập quán canh tác lạc hậu, thiếu vốn đầu tư,

quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Gần đây, chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã góp phần cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ dân trí, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản.

Đồng bào DTTS ở Thanh Hóa vẫn lưu giữ những nét văn hóa truyền thống đặc sắc về ngôn ngữ, trang phục, phong tục tập quán, lễ hội và nghệ thuật. Theo số liệu điều tra dân số năm 2019, có khoảng 70% đồng bào sử dụng tiếng dân tộc trong giao tiếp hàng ngày. Nhiều làng nghề truyền thống vẫn được duy trì và phát triển, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Hầu hết đồng bào DTTS sinh sống ở vùng miền núi, có quan hệ mật thiết với rừng. Tỷ lệ che phủ rừng ở các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đạt trên 60%. Tuy nhiên, việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ bừa bãi đang gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái. Quy mô hộ gia đình bình quân 5 người/hộ, cao hơn so với mức bình quân chung của tỉnh (4 người/hộ). Tỷ lệ sinh: 2,8 con/phụ nữ, cao hơn mức sinh thay thế, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 85%, thấp hơn so với mức bình quân chung của tỉnh (95%) [12].

4.2. Cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách giảm nghèo cho hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa

Việc giảm nghèo cho đồng bào DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa được dựa trên nền tảng pháp lý vững chắc, thể hiện sự quan tâm và cam kết của Đảng và Nhà nước trong việc bảo đảm an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào vùng miền núi. Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý cao nhất, trong đó Điều 59 khẳng định quyền an sinh xã hội của mọi công dân, bao gồm cả người DTTS, và Điều 80 đề cập trực tiếp đến chính sách phát triển toàn diện và giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS.

Tiếp đó, Luật các DTTS năm 2004 cụ thể hóa các quyền lợi và trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo cho đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, các Nghị quyết, Quyết định của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết 20-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Nghị quyết 88/NQ-CP về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cho công tác giảm nghèo.

Ngoài ra, các văn bản luật chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân... Cũng góp phần hoàn thiện khung pháp lý cho việc thực hiện chính sách giảm nghèo. Sự đồng bộ và thống nhất của hệ thống pháp lý này là tiền đề quan trọng để Thanh Hóa triển khai thành công các chương trình, chính sách giảm nghèo cho đồng bào DTTS miền núi, hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo bền vững và cải thiện đời sống cho người dân.

4.3. Thực trạng giảm nghèo cho hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa từ 2018 – 2023

4.3.1. Thành tựu giảm nghèo

Thanh Hóa đang nỗ lực giảm nghèo bền vững với mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,5%/năm giai đoạn 2021-2025, đặc biệt chú trọng đến hộ nghèo DTTS với mục tiêu giảm 3%/năm. Trước đó, trong giai đoạn 2016-2020,

tỉnh đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm bình quân 2,56%/năm, riêng các huyện miền núi đạt mức giảm trên 3%/năm. Dự kiến đến cuối năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh sẽ giảm còn khoảng 3,49%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm còn khoảng 8,6% [13].

Thu nhập của đồng bào DTTS đang có xu hướng tăng trưởng tích cực. Năm 2018, thu nhập bình quân đầu người đạt 24,7 triệu đồng/người/năm. Đến năm 2022, con số này đã tăng lên khoảng 30 triệu đồng/người/năm, cho thấy sự cải thiện đáng kể trong đời sống kinh tế của đồng bào [13].

Cơ sở hạ tầng ở các vùng miền núi, nơi sinh sống của đồng bào DTTS, cũng được quan tâm đầu tư và nâng cấp. 100% xã miền núi hiện đã có đường ô tô đến trung tâm xã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và phát triển kinh tế. Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 93,6%, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Về giáo dục, 100% số xã miền núi có trường tiểu học, 98,7% số xã có trường trung học cơ sở, giúp trẻ em DTTS có cơ hội được đến trường. Ngoài ra, tỷ lệ người DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%, đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào [14].

4.3.2. Những bất cập cần tháo gỡ

Công tác giảm nghèo ở Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức. Chính sách hiện hành còn thiếu linh hoạt, chưa bám sát thực tiễn, gây khó khăn trong triển khai và tạo ra sự thiếu công bằng trong tiếp cận nguồn lực [7]. Nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chưa phù hợp với tập quán canh tác của đồng bào DTTS [15].

Bên cạnh đó, sự thiếu phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, địa phương dẫn đến lãng phí nguồn lực. Báo cáo Kiểm toán Nhà nước năm 2020 chỉ ra tình trạng chồng chéo trong triển khai các chương trình giảm nghèo gây lãng phí khoảng 10% ngân sách [16]. Hỗ trợ trực tiếp còn dàn trải, chưa tập trung vào đối tượng nghèo nhất. Số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2022 cho thấy, chỉ có khoảng 30% nguồn lực hỗ trợ trực tiếp đến được với nhóm 20% hộ nghèo nhất [17].

Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, ngân sách nhà nước dành cho giảm nghèo ở Việt Nam chỉ chiếm khoảng 2% tổng chi ngân sách, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, theo khảo sát của Bộ Nội vụ năm 2021, chỉ có khoảng 15% cán bộ làm công tác giảm nghèo được đào tạo bài bản [18]. Phương thức tiếp cận còn thụ động, nhiều chương trình giảm nghèo vẫn áp dụng phương thức “cho cá” thay vì “dạy câu cá”.

Để giảm nghèo bền vững, cần hoàn thiện chính sách, tăng cường đầu tư, nâng cao nhận thức, đổi mới phương thức tiếp cận và tăng cường giám sát, đánh giá.

4.4. Sự cần thiết phải giảm nghèo bền vững cho hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa

Giảm nghèo bền vững cho hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa là một yêu cầu cấp thiết, mang ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế, xã hội và chính trị.

Thứ nhất, đây là đòi hỏi tất yếu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ đáng kể dân số Thanh Hóa, sinh sống tập trung ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Giảm nghèo cho đồng

bảo góp phần nâng cao thu nhập, mức sống của người dân, tạo động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền.

Thứ hai, giảm nghèo đảm bảo an sinh xã hội, công bằng xã hội. Nghèo đói là nguyên nhân của nhiều vấn đề xã hội như mù chữ, dịch bệnh, tệ nạn xã hội... Giảm nghèo bền vững góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, trong đó mọi người dân đều có cơ hội phát triển.

Thứ ba, giảm nghèo góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bảo đảm an ninh quốc phòng. Đồng bào DTTS là một bộ phận quan trọng của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giảm nghèo cho đồng bào góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, tạo niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Giảm nghèo bền vững cho hộ gia đình DTTS miền núi tỉnh Thanh Hóa là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đây là chìa khóa để xây dựng một tỉnh Thanh Hóa giàu mạnh, văn minh và hiện đại.

4.5. Giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

4.5.1. Phân loại các nhóm hộ gia đình nghèo DTTS để áp dụng chính sách hỗ trợ phù hợp

Trong số các hộ gia đình nghèo DTTS lại bao gồm những nhóm nghèo với những đặc điểm khác nhau. Để nâng cao năng lực thoát nghèo cho họ lại cần phải có những giải pháp phù hợp, khác nhau cho từng nhóm. Ví dụ có thể tạm phân ra 3 nhóm hộ nghèo DTTS sau.

Nhóm thứ nhất: bao gồm những hộ gia đình có người già yếu, bệnh tật, thiếu lao động, không/ rất ít có khả năng thoát nghèo (còn được gọi là Nhóm “Nghèo thâm niên”/mãn tính). Nhóm này chiếm một tỷ lệ nhỏ ở cả 6 DTTS miền núi Thanh Hóa, cần vận động hỗ trợ và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm cuộc sống hàng ngày. Về lâu dài, nhóm hộ nghèo này sẽ là nhóm hộ khó có khả năng thoát nghèo nhất, cần được sự hỗ trợ bằng các loại bảo trợ xã hội thường xuyên.

Nhóm thứ hai: bao gồm các hộ gia đình có nhân lực, có nhu cầu làm việc, nhưng hạn chế về kiến thức kỹ năng trong trồng trọt, chăn nuôi... lại thiếu tư liệu sản xuất dẫn đến thiếu việc làm,... Nhưng nhìn chung, họ có tinh thần cầu tiến, mong muốn được học hỏi để vươn lên thoát nghèo, đây là nhóm có khả năng thoát nghèo cao. Với nhóm đối tượng này cần tập trung nâng cao “vốn con người”, kết hợp với cho vay vốn, hỗ trợ tư liệu sản xuất, tạo việc làm, di cư lao động,... để thoát nghèo.

Nhóm thứ ba: bao gồm những hộ không chịu lao động, lười nhác, không biết cách làm ăn và tổ chức cuộc sống, lại còn bị sa vào các tệ nạn xã hội, luôn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách, chương trình trợ giúp người nghèo của nhà nước. Với nhóm nghèo này, cần tuyên truyền vận động để họ thay đổi tư tưởng, nhận thức trước khi áp dụng các chính sách hỗ trợ vay vốn, tư liệu sản xuất. Nếu không, các khoản hỗ trợ sẽ không có hiệu quả, khi được hỗ trợ người dân không biết cách làm, hoặc bán đi lấy tiền dùng... và họ vẫn nghèo.

4.5.2. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho hộ nghèo DTTS

- Tiếp tục áp dụng các chính sách cho hộ nghèo đang phát huy hiệu quả như chính sách bảo hiểm y tế, hỗ trợ con em DTTS đi học, chính sách về cho vay vốn xuất khẩu lao động, hỗ trợ cây con giống, xây dựng các công trình dịch vụ xã hội chung cho bà con đồng bào DTTS. Đối với những hộ vừa thoát nghèo nên duy trì việc hưởng lợi từ các chính sách thêm một thời gian, để tránh nguy cơ tái nghèo.

- Huy động các nguồn lực để từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng như điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, các công trình văn hóa, thể thao và các công trình hạ tầng khác phục vụ cho sản xuất và đời sống dân sinh. Hoạt động này về lâu dài sẽ giúp cải thiện môi trường sống, điều kiện sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm. Trong ngắn hạn quá trình này cũng tạo một số việc làm và môi trường để người nghèo trực tiếp tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng.

- Nghiên cứu điều chỉnh chính sách đất đai hiện nay, bảo đảm đất đai được phân phối công bằng và được khai thác sử dụng có hiệu quả trong giảm nghèo. Tránh tình trạng có những hộ gia đình có đất nhưng không canh tác, chỉ giữ đất cho con cho cháu (dù con cháu đi làm ăn xa), để đất bỏ hoang gây lãng phí, trong khi nhiều người nghèo không có đất canh tác.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với công tác giảm nghèo, nhất là cho các hộ nghèo nhóm thứ ba nói trên. Khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đầu tư sản xuất kinh doanh tự vươn lên thoát nghèo. Giảm bớt nhóm hộ nghèo, cá nhân và những địa phương còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, không muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển ngành nghề, đa dạng hóa về thu nhập, nhân rộng các mô hình khuyến nông, lâm, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho lao động nghèo, hỗ trợ nhân rộng các Tăng cường thu hút các doanh nghiệp có quy mô lớn đầu tư vào vùng miền núi Thanh Hóa, mở vùng nguyên liệu, thu mua sản phẩm của các hộ gia đình, tạo việc làm cho các loại lao động. Từ đó hỗ trợ giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định và giảm nghèo, thoát nghèo.

- Triển khai các dự án, chương trình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, nâng cao trình độ kỹ thuật cho lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác, chế biến... Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 1956 Thủ tướng Chính phủ đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

4.5.3. Nâng cao năng lực tự thoát nghèo của người dân thông qua phát triển vốn con người

Nâng cao năng lực tự thoát nghèo của người dân, đặc biệt là nhóm hộ có nhu cầu và khả năng vươn lên, là giải pháp then chốt để giảm nghèo bền vững. Điều này đòi hỏi phải tập trung phát triển “vốn con người” cho đồng bào DTTS, bao gồm nâng cao học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực quản lý kinh tế hộ gia đình, và ý chí vươn lên thoát nghèo.

Cần đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cho người dân. Đồng thời, cần tạo điều kiện cho họ tiếp cận thông tin, kiến thức mới, ứng

dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Bên cạnh đó, cần khuyến khích người dân thay đổi tư duy, chủ động tìm kiếm cơ hội việc làm, đa dạng hóa sinh kế, tham gia vào các chuỗi giá trị sản xuất.

Về chính sách, cần có sự can thiệp của Nhà nước và xã hội để nâng cao năng lực cho đồng bào DTTS. Cần xây dựng chương trình dài hạn nâng cao dân trí, hỗ trợ con em DTTS đi học, phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tăng cường truyền thông bằng tiếng dân tộc. Cần khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đào tạo nghề, tạo việc làm cho người dân. Đồng thời, cần phát huy vai trò của cộng đồng, thúc đẩy phong trào tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

4.5.4. Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác giảm nghèo.

Để giải quyết tình trạng thiếu phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành, địa phương, cần cụ thể hóa cơ chế phối hợp trong việc triển khai các chương trình giảm nghèo. Việc thiết lập kênh thông tin liên lạc thường xuyên, tổ chức các hội nghị, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị là rất cần thiết.

Cần xây dựng quy chế phối hợp rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Bên cạnh đó, cần xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chung về hộ nghèo để các đơn vị có thể chia sẻ thông tin và phối hợp hiệu quả. Cơ sở dữ liệu này cần được cập nhật thường xuyên, chính xác, đảm bảo tính bảo mật và dễ dàng truy cập. Điều này giúp tránh chồng chéo, trùng lặp trong hỗ trợ, đồng thời đảm bảo nguồn lực được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng, nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo.

4.5.5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo.

Nhằm khắc phục tình trạng thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác giảm nghèo, cần đầu tư vào việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ. Cần tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở.

Các khóa đào tạo cần tập trung vào những nội dung thiết thực, sát với thực tiễn công tác giảm nghèo ở địa phương. Cần chú trọng đến việc cập nhật kiến thức mới về chính sách, phương pháp tiếp cận, kỹ năng vận động quần chúng,... Bên cạnh đó, cần có chính sách thu hút, đãi ngộ thỏa đáng để thu hút cán bộ trẻ, có trình độ, năng lực về công tác tại vùng đồng bào DTTS, tạo điều kiện cho họ phát huy năng lực, gắn bó lâu dài với công việc.

4.5.6. Tăng cường công tác giám sát, đánh giá.

Để nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo, cần tăng cường giám sát, đánh giá. Trước hết, cần xây dựng hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá rõ ràng, minh bạch, bao gồm cả chỉ số định lượng (ví dụ: thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo,...) và định tính (ví dụ: mức độ hài lòng của người dân, thay đổi về nhận thức, hành vi,...).

Cần áp dụng các phương pháp giám sát, đánh giá khoa học, khách quan, đảm bảo tính chính xác và tin cậy của thông tin. Cần thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ (ví dụ: hàng quý, hàng năm) và đột xuất (khi có vấn đề phát sinh)

đối với các chương trình giảm nghèo, kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập để điều chỉnh. Đặc biệt, cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong giám sát, đánh giá, phát huy vai trò giám sát của người dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công tác giảm nghèo.

5. Thảo luận

Có thể học tập kinh nghiệm thoát nghèo của người nghèo là DTTS miền núi ở nơi khác như Tây Nguyên hoặc Tây Bắc nhưng do sự khác biệt đặc điểm vùng miền, văn hóa, dân tộc... Nên việc nghiên cứu những đặc trưng của người nghèo vùng DTTS ở Thanh Hóa là nội dung quan trọng.

Việc đánh giá các yếu tố tác động đến năng lực thoát nghèo bền vững của các hộ gia đình nghèo DTTS rất cần thiết bởi lẽ, các giải pháp được đề xuất cần được xuất phát từ hiểu biết của chúng ta về các yếu tố này. Nói cách khác, yếu tố nào tác động mạnh mẽ, tích cực đến năng lực thoát nghèo bền vững của các hộ gia đình nghèo thì cần được ưu tiên đầu tư và tìm kiếm các giải pháp từ đó.

Ngoài những giải pháp chung để hỗ trợ nâng cao năng lực thoát nghèo bền vững thì những giải pháp đặc thù, phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội - văn hóa của tỉnh Thanh Hóa cũng như của các hộ gia đình nghèo miền núi của tỉnh cũng cần được nghiên cứu cụ thể.

6. Kết luận

Các giải pháp từ phía chính sách phát triển của nhà nước, bao gồm các chính sách chuyên dành cho người DTTS cũng như các chính sách phát triển nói chung của tỉnh Thanh Hóa dành cho sự phát triển vùng DTTS và miền núi đã có tác động đặc biệt sâu rộng đến vấn đề sinh kế, song chưa có một chính sách chuyên biệt dành riêng cho việc hỗ trợ nâng cao năng lực thoát nghèo cho hộ gia đình các DTTS, mà thực chất là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các DTTS. Trong kế hoạch giảm nghèo của tỉnh hàng năm, chỉ đề ra chỉ tiêu giảm nghèo cho từng đơn vị hành chính huyện/thị xã/ thành phố, chưa có chỉ tiêu giảm nghèo đối với các DTTS ở các huyện có đông người DTTS, có đông hộ nghèo là người DTTS. Do đó, trong thời gian tới cần tiếp tục tiến hành một số vấn đề sau:

Các huyện miền núi cần điều tra, kiểm kê, rà soát lại những thành tựu đạt được trong công tác giảm nghèo cho đồng bào DTTS ở miền núi tỉnh Thanh hóa;

Thực hiện công tác hỗ trợ đúng đối tượng và có hiệu quả để giúp các hộ nghèo là người DTTS đảm bảo nguồn vốn tự nhiên là đất sản xuất - tư liệu sản xuất quan trọng nhất của người nông dân;

Tiếp tục phát huy và đặt niềm tin vào bản thân người nghèo trong thực hiện các chương trình giảm nghèo bền vững. Việc phân loại hộ nghèo thành 3 nhóm giúp các nhà quản lý có những hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, mong muốn của người dân thúc đẩy mục tiêu giảm nghèo bền vững đạt hiệu quả tốt;

Tiếp tục các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo trực tiếp và gián tiếp đang phát huy hiệu quả tốt, đặc biệt cần chú trọng phát triển nguồn vốn con người trong công tác giảm nghèo bền vững cho hộ gia đình DTTS ở miền núi tỉnh Thanh Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] National Assembly of Vietnam, *Overall project for socio-economic development of ethnic minority and mountainous areas for 2021 - 2030*, No. 88/2019/QH14, 2019.
- [2] National Assembly of Vietnam, *Resolution No. 12/NQ-CP on implementing Resolution No. 88/2019/QH14 dated November 18, 2019*.
- [3] Thanh Hoa Provincial Ethnic Committee, *Summary report of Thanh Hoa Provincial Ethnic Committee*, 2022.
- [4] Thanh Hoa Provincial Party Committee, *Documents of the 18th Thanh Hoa Provincial Party Congress*, Thanh Hoa: Thanh Hoa Provincial Propaganda Department, 2020.
- [5] T. T. M. Chau, N. T. H. Trang, N. T. T. Huong, D. T. H. Yen, *Assessment of resources and proposed solutions for sustainable livelihood development for ethnic minorities in Dak Lak Province*, Science and Technology Project, Ho Chi Minh National Academy of Politics, 2015.
- [6] T. H. Hanh, *Livelihood transformation of ethnic minorities in the Vietnam - China border area*, Scientific project, Institute of Ethnology, Vietnam Academy of Social Sciences, 2018.
- [7] World Bank, *Vietnam Poverty Assessment Report*, 2012.
- [8] C. Gradín, Rural and ethnic poverty in China, in *Measuring poverty, deprivation and economic mobility (Research on economic inequality, Vol. 23)*, Emerald Group Publishing Limited, 2015, pp. 221-247. <https://doi.org/10.1108/S1049-258520150000023007>
- [9] Asian Development Bank, *Poverty Assessment in Vietnam titled Well Begun, Not Done: Vietnam's Remarkable Poverty Reduction and the Emerging Challenges*, World Publishing House, 2012.
- [10] M. Cuddy, L. Hongmei and P. Gute, *Factors Influencing Poverty Levels Among Rural Households in Southwest China*, (Working Paper No. 0136) Department of Economics, National University of Ireland, Galway, 2008.
- [11] R. Chambers and G. Conway, *Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century*. IDS Discussion Paper, 1992, pp. 296.
- [12] Thanh Hoa Provincial People's Committee, *Summary Report on Socio-Economic Situation, National defense and security in 2023 and the socio-economic development plan, ensuring national defense and security in 2024*, Thanh Hoa Newspaper, 2023, <https://baothanhhoa.vn/bao-cau-tom-tat-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quoc-phong-an-ninh-nam-2023-va-ke-hoach-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-dam-bao-quoc-phong-an-ninh-nam-2024-201689.htm>. [Accessed on: 09-11-2024].
- [13] Thanh Hoa Provincial People's Committee, *Thanh Hoa Province's Socio-Economic Yearbook 2023*, Thanh Hoa Provincial Electronic Information Portal, 2023, <https://thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2023-12-28/Kinh-te--xa-hoi-tinh-Thanh-Hoa-nam-2023c1zx0a.aspx>. [Accessed on: November 9, 2024].
- [14] Thanh Hoa Provincial Statistics Office, *Thanh Hoa Province's Statistical Yearbook 2022*
- [15] T. D. Hop, *Private Economic Development*, Central Institute for Economic Management, 2021.
- [16] State Audit Office, *Annual Audit Results Summary Report*, Hanoi, 2020.
- [17] Ministry of Labor - Invalids and Social Affairs, *Report on the Evaluation of the Effectiveness of Poverty Reduction Programs*, 2022
- [18] N. M. Phuong, *The Role of the Ministry of Home Affairs in the Cause of New Rural Development*, Ministry of Home Affairs, 2021.